BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 848 /QĐ-CĐCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v Chi tiền hỗ trợ đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Quyết định số 53/2015/QĐ-Ttg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ quy định về chính sách nội trú đối với hoc sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

Căn cứ quyết định số 2043/QĐ-BTC ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào thông báo số 278/TB-CĐCT ngày 18 tháng 09 năm 2023 của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh về việc thực hiện chính sách nội trú học kỳ 1 năm học 2023 – 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền hỗ trợ đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại (có danh sách kèm theo) như sau:

Khóa 2021 – 2024: 15 sinh viên với số tiền là 3.100.000 đồng

Khóa 2022 – 2025: 20 sinh viên với số tiền là 4.100.000 đồng

Khóa 2023 – 2026: 16 sinh viên với số tiền là 3.200.000 đồng

Tổng cộng : 51 sinh viên với số tiền là 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính kế toán và sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Mạnh Tuân

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu VT, CTSV.

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN HỖ TRỢ ĐI LẠI TỪ NƠI HỌC VỀ GIA ĐÌNH VÀ NGƯỢC LẠI NĂM HỌC 2023 - 2024

Kèm theo quyết định số: 848/QĐ-CĐCT ngày .01. tháng .11..năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Dân tộc	vùng ĐB KK	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận
KHÓA 2021 - 2024 (K45)								
1	Hoàng Thị Minh Thị	02/04/2003	CCQ2120L	Hộ cận nghèo	Nùng		200.000	
2	Não Nữ Thuyên Hòa	16/04/2002	CCQ2113A	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
3	Hà Thị Hồng Nhung	07/10/2003	CCQ2107A	Hộ nghèo	Thái		200.000	
4	Lương Hải Yến	13/11/2002	CCQ2107A	Hộ nghèo	Thái		200.000	
5	Châu Nữ Mỹ Đình	15/07/2003	CCQ2119B	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
6	Báo Thị Như Ái	29/01/2003	CCQ2121A	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
7	Đàng Đức Tân	17/06/2003	CCQ2105B	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
8	Miễu Văn Trên	20/10/2001	CCQ2103B	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
9	Trượng Ngọc Phiếu	20/10/2003	CCQ2103D	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
10	Châu Quốc Khánh	02/09/2003	CCQ2105B	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
11	Trượng Ngọc Nhân	04/09/2002	CCQ2117R	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Dân tộc	vùng ĐB KK	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận
12	Kiều Thị Hồng Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
13	Mó Tâm	20/09/2003	CCQ2110D	Hộ cận nghèo	Vân		200.000	
14	Kiều Nữ Diễm Quỳnh	14/08/2003	CCQ2119D	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
15	Nguyễn Thị Thương	09/04/2003	CCQ2124B	Hộ nghèo	Kinh	x	300.000	
Cộng:							**3.100.000**	
KHÓA 2022 - 2025 (K46)								
1	Nguyễn Đức Lợi	03/07/2003	CCQ2203C	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
2	Hứa Đức Mạnh	15/02/2004	CCQ2222A	Hộ nghèo	Nùng		200.000	
3	Vi Thị Phương Thùy	14/05/2003	CCQ2227D	Hộ nghèo	Nùng		200.000	
4	Hán Thị Mỹ Duyên	09/08/2004	CCQ2210F	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
5	Đạo Thanh Trường	28/01/2004	CCQ2224C	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
6	Châu Hoài Anh	25/05/2004	CCQ2206B	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
7	Kiều Bảo Tường	04/05/2003	CCQ2217E	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
8	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
9	Điểu Mập	03/05/2003	CCQ2217N	Hộ nghèo	S'tiêng		200.000	
10	Chau Minh Huy	26/08/2004	CCQ2217C	Hộ cận nghèo	Khmer		200.000	
11	Báo Văn Anh Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
12	Trương Từ Hải	29/09/2004	CCQ2203D	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Dân tộc	vùng ĐB KK	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận
13	Nguyễn Duy Phước	02/12/2004	CCQ2203H	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
14	Đồng Thúy Nghiệm	09/10/2004	CCQ2211C	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
15	Vi Văn Sứ	25/04/2003	CCQ2211C	Hộ cận nghèo	Thái		200.000	
16	Hứa Thị Kim Anh	15/04/2004	CCQ2210F	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
17	Lộ Thị Kim Phương	05/09/2003	CCQ2227C	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
18	Châu Nữ Thùy Trang	14/02/2004	CCQ2219C	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
19	Hoàng Trọng Thân	26/01/2004	CCQ2217F	Hộ cận nghèo	Nùng		200.000	
20	Võ Thị Như Quỳnh	06/05/2004	CCQ2219D	Hộ nghèo	Kinh	x	300.000	
Cộng:							**4.100.000**	
KHÓA 2023 - 2026 (K47)								
1	Kiều Xuân Thanh	09/06/2004	CCQ2311L	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
2	Hàm Thị Bích Hương	18/04/2005	CCQ2310F	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
3	Phú Thị Thanh Thảo	22/12/2005	CCQ2312D	Hộ nghèo	Chăm		200.000	
4	Hoàng Mạnh Cường	17/09/2005	CCQ2323A	Hộ nghèo	Tày		200.000	
5	Mùng Thị Thu Thảo	30/01/2005	CCQ2310B	Hộ nghèo	Tày		200.000	
6	Vi Thị Thùy Trang	25/12/2005	CCQ2312H	Hộ nghèo	Nùng		200.000	
7	Nông Thị Kim Nhàn	21/07/2005	CCQ2326D	Hộ nghèo	Tày		200.000	
8	Hứa Thị Bích	07/03/1999	CCQ2324A	Hộ cận nghèo	Nùng		200.000	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Dân tộc	vùng ĐB KK	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận
9	Bùi Thị Ngọc Tú	04/07/2005	CCQ2319B	Hộ cận nghèo	Thổ		200.000	
10	Hoàng Thị Kim Oanh	05/09/2005	CCQ2312H	Hộ cận nghèo	Tày		200.000	
11	Đổng Văn Trường	06/01/2005	CCQ2305E	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
12	Kiều Ngọc Sang	18/01/2005	CCQ2317K	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
13	Châu Khánh Hòa	06/09/2005	CCQ2303F	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
14	Từ Nữ Bích Phượng	10/10/2004	CCQ2319A	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
15	Thiên Nữ Minơ	10/09/2005	CCQ2319A	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
16	Trượng Thanh Hóa	29/11/2004	CCQ2311L	Hộ cận nghèo	Chăm		200.000	
							3.200.000	
TỔNG CỘNG: (45+46+47) 51 SINH VIÊN							**10.400.000**	

Số tiền bằng chữ: Mười triệu bốn trăm ngàn đồng

Người lập	PCTSV	PTCKT	HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thu Hiền	*Lê Quang Vinh*	*Hoàng Mạnh Khiêm*	*Bùi Mạnh Tuân*

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH